TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HS-PT
Ngày: 07-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự

Ông Lê Khắc Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 125/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Vũ Văn Đ. Do có kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Vũ Văn V, sinh năm 1940 (còn sống) và bà Võ Thị T, sinh năm 1962 (còn sống); vợ tên Nguyễn Thị Cửu L, sinh năm 1995 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự không; Nhân thân: Tại Bản án số 24/2010/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xử phạt Vũ Văn Đ 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31 tháng 8 năm 2013, đã thi hành xong phần án phí hình sự; Tại Bản án số 02/2017/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt Vũ Văn Đ 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21 tháng 8 năm 2017, đã thi hành xong phần án phí hình sự; Tạm giữ 12/11/2020; Tạm giam ngày 20/11/2020; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn T có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa; người bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/10/2020 bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô 6XN1 - 260.XX loại xe Wave Alpha màu trắng chạy lòng vòng khu vực khóm X, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp mục đích tìm tài sản để trộm. Khi T điều khiển xe mô tô đi ngang qua cửa hàng mua bán xe máy anh Đ1 trên đường Hùng Vương thì phát hiện bên trong cửa hàng có để một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Suzuki loại xe Satria, không gắn biển kiểm soát, xe này của Trần Phạm Thiện Đ1, sinh năm 1992, cư trú khóm X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là chủ cửa hàng đang đậu không người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa ở ổ khóa. T định trộm xe này nên điều khiển xe chạy đến con hẻm gần Trung tâm văn hóa huyện T cất giấu xe mô tô 6XN1-260.XX sau đó đi bộ lại phía trước cửa hàng xe anh Đ1 nhìn vào bên trong nhưng vẫn không thấy có người trông giữ xe nên vào bên trong cửa hàng lấy trộm xe rồi điều khiển xe Satria chạy về phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thì xe bị hư. Do xe không có biển kiểm soát nên bị người dân nghi vấn bị cáo T là người vừa lấy trộm xe nên giữ bị cáo T lại và giao cho Công an phường T, thành phố V. Qua làm việc T thừa nhận xe vừa trộm được nên nơi đây chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T số 49 ngày 30 tháng 10 năm 2020 kết luận: Xe mô tô Satria, nhãn hiệu Suzuki, xe không gắn biển kiểm soát, số máy CGA11ID204447, số khung MH8DL11AZKJ204219 tại thời điểm bị mất trộm là: 37.000.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T còn khai nhận trước đó đã cùng với bị cáo Vũ Văn Đ thực hiện 02 vụ trộm xe mô tô tại địa bàn huyện C và huyện T1. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào buổi chiều ngày 02/10/2020 bị cáo T cùng với bị cáo Đ đi đến huyện C chơi, cả hai bị cáo đi bằng xe mô tô không rõ biển kiểm soát của Tâm từ huyện T đến gần Bệnh viện phổi thuộc huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông giữ xe do không có giấy tờ xe mang nên cả hai bị cáo đi bộ hướng về huyện T. Khi đến nhà anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1991 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện trước cửa nhà có chiếc xe mô tô 6XN1-269.XX do anh P vừa mới đi làm về đậu ở đó không ai trông coi. T rủ Đ trộm xe này. T đứng ngoài đường chờ còn Đ đi đến gần chiếc xe thì thấy trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên Đ lấy trộm xe dẫn ra ngoài rồi điều khiển xe chở bị cáo T về huyện T. Vài ngày sau, bị cáo T kêu bị cáo Đ đem chiếc xe mô tô 6XN1-269.XX bán cho một người đàn ông lạ mặt (không biết họ tên và địa chỉ) với giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) rồi chia nhau tiêu xài hết.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C số: 02, ngày 11 tháng 12 năm 2020 kết luận: Xe mô tô gắn biển kiểm soát 66N1-269.13, màu trắng đen, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, số máy E3X9E006869, số khung: RLCUE3240GY003071 tại thời điểm bị mất trộm là: 14. 100.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào sáng ngày 04/10/2020 bị cáo Vũ Văn Đ rủ bị cáo Nguyễn Văn T về nhà ở ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An chơi. Bị cáo T sử dụng xe mô tô 6XN1-269.XX chở Đ khi đến nhà chị Phạm Thị Hồng T1, sinh năm 1994. Cư trú: ấp T, xã T, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp thì T phát hiện xe mô tô 6XK1-173.XX của chị T1 đang đậu trước cửa nhà không ai trông coi. T rủ Đ lấy trộm xe này. Đ đứng ngoài đường còn T đi vào gần chiếc xe thì thấy trên xe có gắn sẵn chìa khóa, nên T lấy trộm chiếc xe này rồi

cùng với bị cáo Đ chạy về hướng huyện T, bị chị T1 phát hiện truy hô đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Sau đó, bị cáo T lấy chiếc xe này sử dụng làm phương tiện đi lại và dùng xe này thực hiện vụ trộm tại huyện T rồi bị bắt.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T số: 70, ngày 12 tháng 11 năm 2020 kết luận: Xe mô tô gắn biển kiểm soát 6XK1-173.XX nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu sơn trắng, số máy HC12E5700119. Số khung RLHHC1213DY700009 tại thời điểm bị mất trộm là: 8.000.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số khung: MH8DL11AZKJ204219, số máy: CGA11D204447, nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Phạm Thiện Đ1.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, số khung RLHHC1213DY700009, số máy 5700119HC12E xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Hồng T1.

- Đối với 01 xe mô tô màu xanh, loại Wave Alpha, biển kiểm soát 3XN – 08XX, không rõ số khung và số máy do bị mài mòn. Xe này T khai mua của một người lạ không kèm giấy đăng ký. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trưng cầu giám định số khung, số máy và có kết quả số máy: 0675855, số khung: 07Y676397 của một người ở huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang để phối hợp xác minh, điều tra nhưng chưa có kết quả. Do đó, tách phần xác minh làm rõ chiếc xe này ra khỏi vụ án, khi nào có kết quả xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Phạm Thiện Đ1, Phạm Thị Hồng T1 đã nhận lại xe không yêu cầu bồi thường.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 6XN1-269.XX, loại Sirius trong vụ trộm tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị hại Nguyễn Duy P yêu cầu bồi thường 14.100.000 đồng đúng với giá trị của chiếc xe đã được định giá và hai bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Văn Đ đồng ý bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 12/11/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 năm tù cùng về tội "Trộm cắp tài sản"; tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, bị cáo Vũ Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Vũ Văn Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và

đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận mà chỉ xin nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Lợi dụng lúc sự sơ hở trong việc trông coi tài sản của anh Nguyễn Duy P và chị Phạm Thị Hồng T1 nên bị cáo và Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm xe mô tô biển kiểm soát 6XN1-269.XX của anh P và xe mô tô biển kiểm soát 6XK1-173.XX của chị T1 vào các ngày 02 và ngày 04/10/2020.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Vũ Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tài sản để sử dụng mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của chị T1 và anh P với tổng giá trị tài sản theo định giá là 22.100.000 đồng. Bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo Vũ Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Tại phiên tòa bị cáo cho rằng hiện tại bị cáo đang bị bệnh tim, thận và teo cơ nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh, đồng thời phía Trại tạm giam nơi đang giam giữ bị cáo cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án để xem xét về tình trạng bệnh của bị cáo nên không có căn cứ xem xét lời trình bày này của bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Đ không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Văn Đ. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn Đ.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 12/11/2020.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Vũ Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện T (02 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA huyện T;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Phạm Minh Tùng